

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2021/DS-ST.

Ngày: 27/05/2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Thu.

2. Ông Y Nik Êban.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung – Chức vụ : Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 356/2020/TLST-DS, ngày 11 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13/2021/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 04 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/QĐST – DS, ngày 11/05/2021, Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Ánh H.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy B, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Duy B trình bày:**

Vào ngày 08/01/2020 do quen biết nhau nên bà Lưu Thị Ánh H có cho ông Nguyễn Công N vay số tiền là 200.000.000 đồng.

Ngày 03/02/2020 ông Nguyễn Công N có trả cho bà H số tiền là 150.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ số tiền là 50.000.000 đồng thời gian trả là vào ngày 10/02/2020.

Tuy nhiên đến hạn trả nợ ông Nguyễn Công N không trả mặc dù bà H đã đến nhà ông N đòi nhiều lần nhưng ông N không trả do đó bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Công N phải có trách nhiệm trả số tiền là 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, được tính kể từ ngày 11/2/2020 cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

*** Tại bản tự khai ngày ngày 03/12/2020 bị đơn ông Nguyễn Công N trình bày:**

Ngày 08/01/2020 tôi có vay của bà Nguyễn Thị Ánh H số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 03/2/2020 tôi đã trả được cho bà H số tiền là 150.000.000 đồng. Còn lại số tiền là 50.000.000 đồng tôi chưa trả được nay, tôi sẽ có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi suất là 3.500.000 đồng và thống nhất trả theo thủ tục Thi hành án dân sự.

Sau khi thụ lý Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Nguyễn Công N vắng mặt tại phiên họp không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/05/2020, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên Tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Công N.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ông Nguyễn Công N còn nợ bà Lưu Thị Ánh H số tiền là 50.000.000 đồng tiền nợ gốc do đó căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Công N phải trả số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng.

Về lãi suất: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi suất là 3.500.000 đồng, bị đơn đồng ý trả số tiền trên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn thay đổi nội dung về tính lãi suất theo mức lãi suất là 0,83%/tháng được tính kể từ ngày 10/02/2020 cho đến ngày 27/5/2021, xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự, đề nghị HĐXX cần chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Ánh H, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản

được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng vắng mặt không có lý do vậy Tòa án căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Công N là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Công N phải có trách nhiệm trả số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền lãi là 0,83%/tháng được tính từ ngày 11/02/2021 đến ngày 27/5/2021; Hội đồng xét xử nhận định:

Vào ngày 08/01/2020 bà Lưu Thị Ánh H có cho ông Nguyễn Công N vay số tiền là 200.000.000 đồng. Đến ngày 03/2/2020 ông Nguyễn Công N có trả cho bà H số tiền là 150.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn trả là vào ngày 10/2/2020, tuy nhiên đến hạn trả nợ ông N không trả theo như thỏa thuận các bên đã cam kết, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định:

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Công N đều thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng và sẽ có trách nhiệm trả số tiền trên theo thủ tục thi hành án dân sự, tuy nhiên ông Nguyễn Công N sau đó không đến Tòa án làm việc do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải thành được. HĐXX xét thấy đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó, cần buộc ông Nguyễn Công N phải có trách nhiệm trả cho bà Lưu Thị Ánh H số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi suất là 3.500.000 đồng, bị đơn đồng ý trả số tiền trên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn thay đổi nội dung về tính lãi suất theo mức lãi suất là 0,83%/tháng được tính kể từ ngày 11/02/2020 cho đến ngày 27/5/2021, xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự, như vậy lãi suất được tính như sau:

$(50.000.000 \text{ đồng} * 9,96\%/\text{năm} : 365 \text{ ngày}) * 470 \text{ ngày} = 6.412.602 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Công N phải có trách nhiệm trả cho bà Lưu Thị Ánh H số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất là 6.412.602 đồng. Tổng cộng là 56.412.602 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Ánh H.

Buộc ông Nguyễn Công N phải có trách nhiệm trả cho bà Lưu Thị Ánh H số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất là 6.412.602 đồng. Tổng cộng là 56.412.602 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm mười hai ngàn sáu trăm lẻ hai đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Công N phải chịu 2.820.630 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. (Theo mức 56.412.602 đồng x 5%)

Trả lại cho bà Lưu Thị Ánh H số tiền tạm ứng án phí 1.337.500 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0011551, ngày 06/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã Ký)

Nguyễn Minh Ngọc